

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(4)

Ms. Ann

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

CMT

Ng. T. Văn

CMT

Ng. T. Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	07/11/2003	CCQ2224F			9,2	91	9,1	
2	2121130047	Phan Nữ Quỳnh Anh	08/06/1990	CCQ2124F			0,0			
3	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/01/2004	CCQ2224E			8,9	41	60	
4	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	02/12/2004	CCQ2224D			9,6	72	82	
5	2122240085	Nguyễn Thị Hồng Diễm	01/09/2004	CCQ2224C			8,9	46	63	
6	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D			9,0	71	79	
7	2122240007	Hồ Thị Giang	25/12/1999	CCQ2224A			9,3	82	8,6	
8	2122240175	Lã Thị Thu Hà	19/01/2004	CCQ2224F			9,2	82	86	
9	2122240141	Nguyễn Thị Thu Hà	23/02/2004	CCQ2224E			9,1	45	63	45 m2
10	2122240150	Nguyễn Hoàng Gia Hân	13/11/2004	CCQ2224E			0,0			
11	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/06/2003	CCQ2224C			9,3	70	79	
12	2122240028	Hồ Thị Kim Hoa	08/05/2004	CCQ2224A			9,1	77	83	
13	2121240067	Lâm Thị Hải Hương	28/04/2003	CCQ2124C			0,0			
14	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều Hương	05/05/2003	CCQ2224C			9,2	73	81	
15	2122240202	Trần Thị Hường	08/03/2002	CCQ2224D			9,6	85	89	
16	2122240174	Hà Thanh Huyền	10/08/2004	CCQ2224F			8,0	82	81	
17	2122240072	Lê Hoàng Khương	28/05/2001	CCQ2224C			9,6	90	92	
18	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	CCQ2224D			9,5	78	85	
19	2122240189	Ngô Thị Cẩm Ly	20/12/2003	CCQ2224F			9,6	64	77	
20	2122240200	Huỳnh Thị Trúc My	25/10/2004	CCQ2224E			7,0	82	77	
21	2122240070	Nguyễn Vũ Hà My	13/05/2004	CCQ2224C			8,8	51	66	
22	2122240089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	10/02/2004	CCQ2224C			9,1	66	76	
23	2122240101	Phạm Thị Hằng Ni	12/11/2004	CCQ2224D			9,7	91	93	
24	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ Nương	11/03/2004	CCQ2224F			9,5	87	90	
25	2122240066	Vũ Thu Phương	23/01/2003	CCQ2224C			9,0	49	65	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Nb. Ann

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 25..

Số bài thi:
.....

Số tờ giấy thi:
.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quyển	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240086	Nông Thị Hồng	Quyển	24/10/2000	CCQ2224C			9,6	9,5	9,5	
2	2122240091	Đỗ Ngọc Như	Quyển	13/04/2004	CCQ2224C			8,8	6,0	7,1	
3	2122240162	Lưu Trúc	Quyển	10/01/2004	CCQ2224C			9,3	6,6	7,7	
4	2122240069	Nguyễn Thị Tú	Quyển	04/10/2003	CCQ2224C			9,8	9,8	9,8	
5	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc	Quyển	27/06/2004	CCQ2224F			8,7	8,5	8,6	
6	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quyển	27/10/2004	CCQ2224B			8,2	2,8	5,0	
7	2122240197	Lê Thị Thu	Sương	10/06/2004	CCQ2224E			9,2	3,0	5,5	
8	2122240177	Nguyễn Thị Lệ	Sương	26/01/2004	CCQ2224F			8,7	5,8	6,0	
9	2122240148	Hoàng Đặng Thế	Tân	01/04/2004	CCQ2224E			7,8	8,0	7,9	
10	2122240185	Cao Thị Thanh	Thảo	16/07/2004	CCQ2224F			7,4	5,0	6,0	
11	2122240204	Huỳnh Thị Kiều	Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C			7,8	7,7	7,7	
12	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	CCQ2224C			8,6	6,6	7,4	
13	2122240039	Chu Thị	Thúy	16/11/1998	CCQ2224B			9,0	7,3	8,0	
14	2122240173	Hồ Thị Xuân	Thùy	02/10/2004	CCQ2224F			8,6	8,5	8,5	
15	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A			8,5	2,8	5,1	
16	2122240059	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trâm	19/06/2004	CCQ2224B			9,0	2,9	5,3	
17	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	23/06/2004	CCQ2224D			8,5	7,7	8,0	
18	2122110238	Nguyễn Hoài	Trọng	15/05/2004	CCQ2224E			8,8	7,5	8,0	
19	2122240063	Đạo Thanh	Trường	28/01/2004	CCQ2224C			8,5	7,0	7,6	
20	2122240088	Nguyễn Cẩm	Tú	01/06/2004	CCQ2224C			8,9	5,8	7,0	
21	2122240161	Nguyễn Ngọc	Tuyền	17/11/2004	CCQ2224C			9,1	5,8	7,1	
22	2122240195	Thái Kim Phương	Uyên	27/10/2004	CCQ2224F			8,7	8,3	8,5	
23	2122240187	Phạm Thị Thùy	Vân	28/10/2004	CCQ2224F			8,8	8,3	8,5	
24	2122240076	Bùi Thị Tuyền	Vi	22/10/2004	CCQ2224C			8,8	6,0	7,1	
25	2122240095	Trần Phạm Long	Vũ	19/03/2004	CCQ2224D			8,1	4,0	5,6	

6

D: 21
H: 03

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Ms. Ann

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

N.N. Châu

Nguyễn T.P. Linh

N.N. Châu

Nguyễn T.P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240163	Trần Bùi Việt Anh	23/01/2004	CCQ2224E			8,8	5.0	6.5	
2	2122240193	Dương Thị Bảo Chân	26/12/2004	CCQ2224F			7,5	5.6	6.4	
3	2122240143	Hoàng Thị Thu Đào	22/02/2002	CCQ2224E			8,4	8.1	8.2	
4	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	05/01/2004	CCQ2224F			9,4	6.4	7.6	
5	2122240031	Lê Thị Thùy Dung	01/10/2001	CCQ2224A			9,2	7.9	8.4	
6	2122240017	Trần Ngọc Hân	04/03/2004	CCQ2224A			9,0	8.2	8.5	
7	2122240113	Trương Hoàng Hào	05/04/2004	CCQ2224D			6,3	4.0	4.9	
8	2122240186	Lê Đỗ Quốc Hùng	04/04/2004	CCQ2224F			9,2	8.5	8.8	
9	2122240146	Trần Thu Hương	20/08/2003	CCQ2224E			9,6	8.8	9.1	
10	2122240176	Huỳnh Quốc Khải	02/08/2004	CCQ2224F			9,5	8.4	8.8	
11	2122240040	Nguyễn Anh Kiệt	12/01/2004	CCQ2224B			8,7	8.5	8.6	
12	2122240165	Lê Diễm Kiều	04/10/2004	CCQ2224E			8,9	3.8	5.8	
13	2121240154	Kon Sơ K Lan	13/09/2000	CCQ2124F			9,0	8.2	8.5	
14	2122240011	Trần Thị Luyến	25/08/2004	CCQ2224A			9,2	5.7	7.1	
15	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A			7,9	0	3.2	
16	2122240032	Vũ Thị Ngọc Mai	01/01/2004	CCQ2224A			9,0	8.2	8.5	
17	2122240067	Võ Thị Ánh Nga	25/01/2004	CCQ2224C			9,1	6.2	7.4	
18	2122240010	Lê Thị Xuân Ngân	20/10/2004	CCQ2224A			8,5	5.7	6.8	
19	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C			9,4	5.7	7.2	
20	2122240025	Mai Ngọc Ý Nhi	19/01/2004	CCQ2224A			9,1	6.2	7.4	
21	2122240062	Ông Thị Thiên Nhi	04/10/2004	CCQ2224B			8,7	3.8	5.8	
22	2122240022	Phạm Thị Yến Nhi	08/08/2004	CCQ2224A			7,6	0	3.0	
23	2122100212	Nguyễn Trúc Quỳnh Như	20/06/2004	CCQ2224F			9,0	8.3	8.6	
24	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh Uyên	29/05/2004	CCQ2224B			7,7	4.3	5.7	

D: 21
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

7

Ms. Ann

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B204

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240167	Nguyễn Lâm Như Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E		Quỳnh	8,8	5,4	6,8	
2	2121170322	Phan Phú Thành	05/07/2003	CCQ2124F		Phan	7,8	5,2	6,2	
3	2122240053	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	28/10/2004	CCQ2224B		Thảo	9,2	6,0	7,3	
4	2122240023	Nguyễn Trần Ngọc Thảo	22/12/2004	CCQ2224A		Thảo	9,3	8,0	8,5	
5	2122240178	Phạm Lê Phương Thảo	13/08/2004	CCQ2224F		Phạm Thảo	9,2	5,5	7,0	
6	2122240016	Nguyễn Thanh Thư	10/12/2004	CCQ2224A		Thư	9,3	8,8	9,0	
7	2122120525	Đặng Huỳnh Thị Diễm Thúy	31/01/2004	CCQ2224F		Thúy	9,5	6,8	7,9	
8	2122240008	Lê Thị Hồng Tiên	26/04/2001	CCQ2224A		Tiên	9,0	8,8	8,9	
9	2122240015	Bùi Thị Kim Tình	16/03/2004	CCQ2224A		Tình	9,3	8,8	9,0	
10	2122240155	Nguyễn Thị Hoài Tình	10/08/2002	CCQ2224B		Tình	8,3	3,9	5,7	
11	2122240084	Lê Nguyễn Thùy Trâm	20/01/2004	CCQ2224C		Trâm	9,0	5,5	6,9	
12	2122240082	Phạm Thị Huyền Trâm	16/09/2004	CCQ2224C		Trâm	8,9	5,5	6,9	
13	2122240012	Hồ Thị Quế Trân	25/07/2002	CCQ2224A		Trân	5,9	7,5	6,9	
14	2122240035	Hồ Thị Huyền Trang	24/10/2004	CCQ2224B		Trang	9,2	7,4	8,1	
15	2122240211	Thân Nguyễn Huyền Trang	15/04/2004	CCQ2224C		Trang	9,3	6,8	7,8	
16	2122240205	Lâm Đoàn Quốc Trí	07/05/2004	CCQ2224B		Trí	8,8	8,5	8,6	
17	2122240018	Bùi Thị Ngọc Tuyền	31/12/2002	CCQ2224A		Tuyền	9,3	5,8	7,2	
18	2122240212	Hồ Thị Phương Uyên	13/06/2004	CCQ2224B		Uyên	8,7	7,6	8,0	
19	2122240054	Nguyễn Trần Thảo Uyên	02/12/2004	CCQ2224B		Uyên	8,3	4,5	6,0	
20	2122240158	Nguyễn Thuý Vân	27/10/2004	CCQ2224B		Vân	8,4	6,4	7,2	
21	2122240145	Phạm Yến Vy	05/10/2003	CCQ2224E		Vy	9,6	5,5	7,1	
22	2122240033	Trần Thị Diễm Vy	20/06/2004	CCQ2224A		Vy	9,3	6,4	7,6	
23	2122240064	Trương Thị Ngân Vy	01/02/2003	CCQ2224C		Vy	8,0	6,7	7,2	
24	2122240037	Võ Tường Vy	31/01/2004	CCQ2224B		Vy	7,6	8,2	8,0	
25	2122240120	Trần Hải Yến	19/12/2004	CCQ2224E		Yến	9,1	6,5	7,5	